

Số: 1111/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
gói thầu Cung cấp túi rác, bao xốp

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 311/QĐ-BVĐHYD ngày 18 tháng 2 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp Vật tư thông dụng năm 2023 đợt 1;

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 03/TTr-TCG ngày 08 tháng 04 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp túi rác, bao xốp và Báo cáo thẩm định số 02./BCTĐ-TTĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp túi rác, bao xốp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp túi rác, bao xốp với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu: Văn phòng phẩm Máy văn phòng Hoàng Yến;
- Giá trúng thầu: **1.692.386.000 VND** (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm chín mươi hai triệu, ba trăm tám mươi sáu ngàn đồng);

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.

- Danh mục trúng thầu: Chi tiết theo phụ lục đính kèm;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Điều 2. Phòng Vật tư thiết bị chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng Phòng Vật tư thiết bị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Đã*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VTTB (M06-048-ctklan) (03).

GIÁM ĐỐC



[Signature]
Nguyễn Hoàng Bắc



PHỤ LỤC: DANH MỤC TRÚNG THẦU

(Kèm Quyết định số 111/QĐ-BVĐHYD ngày 20 tháng 4 năm 2023)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Nhãn hiệu - Xuất xứ	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Bao giày nylon	đôi	Tân Chí Thành - Việt Nam	2.500	650	1.625.000
2	Bao kiếng PP 70x110 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	260	45.000	11.700.000
3	Bao nylon 3kg 30x40 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	250	45.000	11.250.000
4	Bao nylon đựng rác đen 55x65 (cm) in logo	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	50	55.000	2.750.000
5	Bao nylon đựng rác vàng 95x110 (cm) in logo	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	5.500	51.000	280.500.000
6	Bao nylon đựng rác vàng 55x65 (cm) in logo	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	650	51.000	33.150.000
7	Bao nylon đựng rác vàng 80x90 (cm) in logo	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	1.200	51.000	61.200.000
8	Bao nylon đựng rác xanh 30x45 (cm) in logo	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	100	52.000	5.200.000
9	Bao nylon đựng rác xanh 55x65 (cm) in logo	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	1.900	51.000	96.900.000
10	Bao nylon đựng rác xanh 80x100 (cm) in logo	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	228	51.000	11.628.000
11	Bao nylon đựng rác xanh 95x110cm (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	4.500	51.000	229.500.000
12	Bao nylon PP (1 KG) 20x30 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	350	45.000	15.750.000
13	Bao nylon PP 1/2 KG 12x20 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	1.000	44.000	44.000.000
14	Bao nylon trắng PP 50x70 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	110	45.000	4.950.000
15	Bao nylon trắng PP 7x12 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	700	45.000	31.500.000
16	Bao tay nylon	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	50	58.000	2.900.000
17	Bao xốp đen các loại	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	20	41.000	820.000
18	Bao xốp trắng 20x30 (cm) nhỏ	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	2.500	41.000	102.500.000
19	Bao xốp trắng 26x42 (cm) trung	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	10.000	41.000	410.000.000
20	Bao xốp trắng 30x50 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	3.000	41.000	123.000.000
21	Bao xốp trắng 35x60 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	80	44.000	3.520.000
22	Bao xốp trắng 40x70cm (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	350	42.000	14.700.000
23	Bao xốp trắng size 15x25(cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	7	44.000	308.000
24	Bao zipper 12x20 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	50	68.000	3.400.000
25	Bao zipper 4x8 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	80	72.000	5.760.000
26	Bao zipper 7x12 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	300	70.000	21.000.000



STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Nhãn hiệu - Xuất xứ	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
27	Cuộn nylon trắng PE 1m20cm	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	850	47.500	40.375.000
28	Dây đeo tay bệnh nhân (vòng nhựa)	cái	Tân Chí Thành - Việt Nam	20.000	1.650	33.000.000
29	Túi nylon in logo 20x30 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	600	70.000	42.000.000
30	Túi nylon in logo 30x40 (cm)	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	600	70.000	42.000.000
31	Bao nylon đựng rác trắng 55*65 cm	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	60	55.000	3.300.000
32	Bao nylon đựng rác trắng 95x110cm	kg	Tân Chí Thành - Việt Nam	40	55.000	2.200.000
Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						1.692.386.000

